



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001030460	Lý Quốc	An	27/07/2004	QT10A	01	28	7,0	01	An	HP Đạt
2	000002	1001030463	Chu Thị Hải	Anh	10/07/2004	QT10A	01	29	7,5	01	Anh	
3	000003	1001030467	Đỗ Thị Phương	Anh	15/01/2004	QT10A	01	30	9,0	01	Anh	
4	000004	1001030469	Hà Văn	Anh	27/08/2004	QT10A	01	31	9,0	01	Anh	
5	000005	1001030473	Nguyễn Đức	Anh	19/05/2004	QT10A	01	32	9,0	01	Anh	
6	000006	1001030478	Nguyễn Phương	Anh	30/09/2004	QT10A	01	33	9,0	01	Anh	
7	000007	1001031710	Trần Thị Lan	Anh	05/11/2004	QT10A	01	34	9,0	01	Anh	
8	000008	1001030492	Vũ Xuân	Anh	03/03/2004	QT10A	01	35	7,0	01	Anh	
9	000009	1001030494	Đoàn Thị Ngọc	Ánh	01/02/2004	QT10A	01	36	9,0	01	Ánh	HP Đạt
10	000010	1001031195	Lã Thị Phương	Ánh	14/08/2004	QT10A	01	37	5,0	01	Ánh	
11	000011	1001031198	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	14/04/2004	QT10A	01	38	9,0	01	Ánh	
12	000012	0901030556	Nguyễn Thị Minh	Ánh	06/10/2003	QT10A	01	39	9,0	01	Ánh	Chấn
13	000013	1001031204	Nguyễn Thị Minh	Chi	08/03/2004	QT10A	01	40	9,0	01	Chi	Lê
14	000014	1001030501	Vi Ngọc Hương	Chi	06/01/2004	QT10A	01	41	9,5	01	Chi	Chấn
15	000015	1001030949	Hoàng Thanh	Chúc	21/12/2004	QT10A	01	42	9,0	01	Chúc	Lê
16	000016	1001030512	Nguyễn Thành	Đạt	27/08/2004	QT10A	01	43	7,0	01	Đạt	Chấn
17	000017	1001030515	Mai Hồ Ngọc	Diệp	24/11/2004	QT10A	01	44	4,5	01	Diệp	HP Đạt
18	000018	1001030526	Đoàn Văn	Dung	04/09/2004	QT10A	01	45	7,0	01	Dung	
19	000019	1001030529	Lê Tùng	Dương	19/06/2004	QT10A	01	46	8,5	01	Dương	Lê
20	000020	1001030532	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	05/08/2004	QT10A	01	47	9,5	01	Duyên	HP Chấn
21	000021	1001030536	Nguyễn Thị Thu	Hà	28/08/2003	QT10A	01	48	8,0	01	Hà	
22	000022	1001031468	Nguyễn Thu	Hà	17/08/2003	QT10A	01	49	9,0	01	Hà	
23	000023	1001031451	Bùi Thị Mỹ	Hạnh	29/10/2004	QT10A	01	50	6,8	01	Hạnh	Lê
24	000024	1001030551	Phạm Thị	Hậu	19/01/2003	QT10A	01	51	7,8	01	Hậu	Chấn
25	000025	1001030557	Nguyễn Ngọc	Hiếu	28/06/2004	QT10A	01	52	5,5	01	Hiếu	Lê
26	000026	1001030563	Hàn Thị Bích	Hoài	24/10/2004	QT10A	01	53	9,5	01	Hoài	Chấn
27	000027	1001031638	Lê Việt	Hoàng	12/07/2003	QT10A	01	54	5,3	01	Hoàng	Lê

Tổng số sinh viên dự thi: 27

Tổng số tờ giấy thi: 27

Tổng số biên bản: 0

Ngày 11 tháng 06 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Bùi Tiến Thái

Đỗ Thị Nhài



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000028	1001031238	Lã Thị	Hương	12/08/2001	QT10A	01	59	9,5	01	Hương	Chấn
2	000029	1001030577	Bùi Thị Thanh	Huyền	24/03/2004	QT10A	01	60	6,5	01	Huyền	le?
3	000030	1001030579	Đỗ Thanh	Huyền	31/03/2004	QT10A	01	61	3,0	01	Huyền	chấn
4	000031	1001030583	Nguyễn Thị	Huyền	29/03/2003	QT10A	01	62	8,5	01	Huyền	le?
5	000032	1001030593	Hoàng Tiến	Lâm	30/10/2004	QT10A	01	63	8,0	01	Tiến	chấn
6	000033	0901030558	Nguyễn Thùy	Linh	11/10/2003	QT10A	01	64	7,5	01	Thùy	le?
7	000034	1001031647	Trần Phương	Linh	13/11/2004	QT10A	01	65	8,0	01	Linh	chấn
8	000035	1001030626	Nguyễn Văn	Mạnh	04/04/2004	QT10A	01	66	6,0	01	Mạnh	le?
9	000036	1001030634	Vũ Huy	Nam	08/08/2004	QT10A	01	67	6,5	01	Nam	chấn
10	000037	1001030636	Đào Thị	Ngân	26/12/2004	QT10A	01	68	5,5	01	Ngân	le?
11	000038	1001030646	Phạm Thị Bích	Ngọc	09/12/2004	QT10A	01	69	9,5	02	Ngọc	chấn
12	000039	1001030651	Hoàng Thị Quỳnh	Như	16/01/2004	QT10A	01	70	4,5	01	Như	le?
13	000040	1001030659	Hoàng Xuân	Phong	21/12/2004	QT10A	01	71	6,0	01	Phong	HP chấn
14	000041	1001030668	Nguyễn Thị Thu	Phương	13/12/2004	QT10A	01	72	5,0	01	Phương	le?
15	000042	1001030672	Nguyễn Minh	Quân	20/02/2004	QT10A	01	73	6,0	01	Quân	chấn
16	000043	1001030684	Nguyễn Trọng	Tài	25/08/2004	QT10A	01	74	2,0	01	Tài	le?
17	000044	1001031303	Đỗ Phương	Thanh	31/07/2004	QT10A	01	75	9,0	01	Thanh	chấn
18	000045	1001031759	Nguyễn Phương	Thảo	27/10/2004	QT10A	01	76	6,5	01	Thảo	HP le?
19	000046	1001031394	Vũ Thị	The	12/03/2004	QT10A	01	77	9,0	01	The	chấn
20	000047	1001030704	Trịnh Văn	Thuận	25/10/2004	QT10A	01	78	5,0	01	Thuận	le?
21	000048	1001031452	Bùi Thị	Thùy	12/12/2004	QT10A	01	79	5,0	01	Thùy	chấn
22	000049	1001030711	Lê Công	Toàn	26/08/2004	QT10A	01	80	4,0	01	Toàn	le?
23	000050	1001030713	Lý Thu	Trà	12/01/2004	QT10A	01	81	9,0	01	Trà	chấn
24	000051	1001030718	Đoàn Thị Khánh	Trang	07/05/2004	QT10A	01	82	4,0	01	Trang	le?
25	000052	1001031576	Lương Thị Quỳnh	Trang	11/09/2004	QT10A	01	55	5,5	01	Trang	HP chấn
26	000053	1001030720	Nguyễn Thị Kiều	Trang	28/03/2004	QT10A	01	56	4,5	01	Trang	le?
27	000054	1001031730	Vũ Huyền	Trang	14/11/2004	QT10A	01	57	6,8	01	Trang	chấn
28	000055	1001030730	Đặng Quốc	Tuấn	13/09/2004	QT10A	01	58	4,5	01	Tuấn	le?

Tổng số sinh viên dự thi: 28

Tổng số tờ giấy thi: 29

Tổng số biên bản: 0

Ngày 11 tháng 6 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Luyện Thủy Dung Nguyễn Phi Thủy Dung



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000056	1001031328	Nguyễn Thị Chà	Vi	11/02/2004	QT10A	01	83	9,5	01	Vi	chấn
2	000057	1001030743	Bùi Thị Hải	Yến	28/01/2004	QT10A	01	84	9,0	02	Hải	lẻ
3	000058	0901030369	Đặng Nam	Phương	29/09/2003	QT9B	01	85	5,8	01	Phu	chấn
4	000059	0901030973	Chu Diệu	Như	11/09/2003	QT9C	01	86	6,5	01	Như	lẻ
5	000060	1001030462	Bùi Thị Lan	Anh	04/04/2004	QT10B	02	87	9,0	01	Anh	chấn
6	000061	1001030466	Đỗ Phương	Anh	24/11/2004	QT10B	02	88	8,5	01	Anh	lẻ
7	000062	1001030470	Hoàng Bá Nam	Anh	24/09/2004	QT10B	02	89	5,0	01	Anh	chấn
8	000063	1001030493	Doãn Thị Minh	Ánh	16/09/2004	QT10B	02	90	5,0	01	Anh	lẻ
9	000064	1001031197	Lê Thị Nhật	Ánh	25/05/2004	QT10B	02	91	9,5	01	Anh	chấn
10	000065	1001030496	Nguyễn Đức	Biên	27/09/2004	QT10B	02	92	5,8	01	Biên	lẻ
11	000066	1001030500	Phạm Thị Phương	Chi	09/08/2004	QT10B	02	93	6,0	01	Chi	chấn
12	000067	1001030502	Phạm Minh	Chiến	23/09/2004	QT10B	02	94	4,5	01	Chiến	lẻ
13	000068	1001030504	Hà Văn	Chung	30/06/2003	QT10B	02	95	7,0	01	Chung	chấn
14	000069	1001030505	Phan Thành	Công	02/01/2004	QT10B	02	96	8,5	01	Công	lẻ
15	000070	1001031207	Trương Mạnh	Cường	10/02/2004	QT10B	02	97	1,5	01	Cường	chấn
16	000071	1001030517	Nguyễn Hoàng	Diệu	27/01/2004	QT10B	02	98	9,0	01	Diệu	lẻ
17	000072	1001030524	Phạm Văn Trung	Đức	08/12/2004	QT10B	02	99	7,5	01	Đức	chấn
18	000073	1001030527	Đinh Tiến	Dũng	12/02/2004	QT10B	02	100	6,5	01	Dũng	HP lẻ
19	000074	1001030531	Đoàn Quang	Duy	29/12/2004	QT10B	02	101	6,5	01	Duy	chấn
20	000075	1001030538	Nguyễn Thu	Hà	17/08/2004	QT10B	02	102	8,0	01	Hà	lẻ
21	000076	1001030539	Nguyễn Việt	Hà	02/04/2004	QT10B	02	103	9,0	01	Hà	chấn
22	000077	1001030546	Trần Thị Mỹ	Hạnh	22/11/2003	QT10B	02	104	8,0	01	Hạnh	lẻ
23	000078	1001030552	Nguyễn Thị Thu	Hiền	22/05/2004	QT10B	02	105	9,0	01	Hiền	chấn
24	000079	1001030560	Đặng Quang	Hoá	06/02/2004	QT10B	02	106	8,0	01	Hoá	lẻ
25	000080	1001031237	Đỗ Thu	Hương	08/09/2004	QT10B	02	107	9,5	01	Hương	chấn
26	000081	1001030575	Vũ Đức Quang	Huy	27/10/1999	QT10B	02	108	7,0	01	Huy	HP lẻ
27	000082	1001031246	Lô Ngọc	Huyền	06/10/2004	QT10B	02	109	9,0	01	Huyền	chấn
28	000083	1001030584	Nguyễn Thị Thu	Huyền	24/09/2004	QT10B	02	110	7,0	01	Huyền	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 28

Tổng số tờ giấy thi: 29

Tổng số biên bản: 01

Ngày 11 tháng 06 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Vũ Thị Thủy Dung

Trịnh Thu Trang



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000084	1001030590	Tạ Ngọc	Khánh	20/11/2004	QT10B	02	1	9,0	1	Khánh	Chấn
2	000085	1001030805	Đỗ Ngọc	Linh	15/08/2004	QT10B	02	2	7,5	1	Linh	Lê
3	000086	1001031258	Nguyễn Thùy	Linh	08/12/2004	QT10B	02	3	5,5	1	Linh	Chấn
4	000087	1001031391	Phạm Thuý	Linh	14/07/2004	QT10B	02	4	4,5	1	Linh	Lê
5	000088	1001030616	Đỗ Thị Khánh	Ly	02/05/2004	QT10B	02	5	7,5	1	Ly	Chấn
6	000089	1001030629	Phạm Thị Trà	My	29/06/2004	QT10B	02	6	6,5	1	My	Lê
7	000090	1001030904	Cao Quỳnh	Nga	08/01/2004	QT10B	02	7	8,5	1	Nga	Chấn
8	000091	1001031276	Cao Hồng	Ngọc	19/06/2004	QT10B	02	8	9,0	1	Ngọc	Lê
9	000092	1001030645	Nguyễn Văn	Ngọc	04/12/2004	QT10B	02	9	9,0	1	Ngọc	Chấn
10	000093	1001031459	Phạm Thị Ánh	Nguyệt	21/11/2004	QT10B	02	10	9,0	1	Nguyệt	Lê
11	000094	1001030649	Nguyễn Thị	Nhâm	10/02/2004	QT10B	02	11	9,5	1	Nhâm	Chấn
12	000095	1001030650	Ngô Yến	Nhi	02/03/2004	QT10B	02	12	6,8	1	Nhi	Lê
13	000096	1001030656	Lê Thị Lâm	Oanh	08/09/2004	QT10B	02	13	8,0	1	Oanh	Chấn
14	000097	1001030666	Lý Thu	Phương	10/09/2004	QT10B	02	14	3,0	1	Phương	HP
15	000098	1001030673	Vương Minh	Quân	11/09/2004	QT10B	02	15	6,0	1	Quân	HP Chấn
16	000099	1001030681	Nguyễn Hữu	Son	08/12/2004	QT10B	02	16	5,0	1	Son	Lê
17	000100	1001030689	Nguyễn Hữu	Thắng	04/07/2004	QT10B	02	17	6,0	1	Thắng	Chấn
18	000101	1001030692	Dương Trường	Thành	26/09/2004	QT10B	02	18	5,5	1	Thành	Lê
19	000102	1001030706	Trịnh Thị	Thuy	20/12/2004	QT10B	02	19	2,8	1	Thuy	Chấn
20	000103	1001030708	Chu Thủy	Tiên	13/01/2001	QT10B	02	20	5,5	1	Tiên	Lê
21	000104	1001030717	Đinh Thị Thùy	Trang	12/01/2004	QT10B	02	21	6,5	1	Trang	Chấn
22	000105	1001030719	Hà Thị Thùy	Trang	07/10/2004	QT10B	02	22	6,0	1	Trang	Lê
23	000106	1001031471	Nguyễn Thị	Trang	24/09/2004	QT10B	02	23	5,8	1	Trang	Chấn
24	000107	1001031389	Nguyễn Thị Thu	Trang	22/11/2004	QT10B	02	24	8,8	4	Trang	Lê
25	000108	1001030729	Chữ Quốc	Tuấn	30/03/2004	QT10B	02	25	6,5	1	Tuấn	Chấn
26	000109	1001030732	Vũ Văn	Tuấn	02/01/2004	QT10B	02	26	5,5	1	Tuấn	Lê
27	000110	0901030325	Nguyễn Hồng	Diệp	23/11/2003	QT9B	02	27	5,3	1	Diệp	HP
28	000111	0901030102	Trần Quốc	Việt	11/12/2003	QT9B	02					HP,ĐK

Tổng số sinh viên dự thi: 27

Tổng số tờ giấy thi: 27

Tổng số biên bản: 2

Ngày 11 tháng 06 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Bùi Thị Yến

Hoàng - T. Nhai